

BÁO CÁO

**Kết quả giám sát của Ban Kinh tế-Ngân sách về tình hình
giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán ngân sách
thành phố Hà Nội năm 2018**

Kính gửi:

- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Thực hiện chương trình giám sát năm 2018, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố đã ban hành kế hoạch số 07/KH-KTNS ngày 21/3/2018 và các văn bản số 147/HĐND-KTNS, 148/HĐND-KTNS, 149/HĐND-KTNS ngày 22/3/2018 để triển khai kế hoạch giám sát công tác triển khai giao Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018 của cấp Thành phố và cấp huyện trên địa bàn Thành phố, theo đó yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND 30 quận, huyện, thị xã tổng hợp, báo cáo công tác giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị theo quy định.

Sau khi nghiên cứu báo cáo của các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo của 30 quận, huyện, thị xã và qua theo dõi, Ban Kinh tế - Ngân sách tổng hợp, báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. Việc thực hiện kiến nghị kết quả giám sát năm 2017

Ban Kinh tế - Ngân sách đã có báo cáo số 23/BC-HĐND ngày 23/5/2017 về kết quả giám sát tình hình, kết quả giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017. Về cơ bản các kiến nghị đã được triển khai thực hiện, tuy nhiên chỉ có 02/16 UBND quận, huyện, thị xã báo cáo việc thực hiện kiến nghị điều chỉnh dự toán chi ngân sách đảm bảo mức dự phòng tối thiểu 2% theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

(1) UBND huyện Quốc Oai đã có báo cáo số 175/BC-UBND ngày 19/6/2017 về việc bổ sung dự phòng ngân sách huyện theo kiến nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố, theo đó được Thường trực HĐND Huyện thống nhất, UBND Huyện đã ban hành quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 bổ sung dự phòng ngân sách Huyện năm 2017 số tiền 11.400 triệu đồng đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(2) UBND huyện Đan Phượng đã có báo cáo số 256/BC-UBND ngày 17/8/2017 về tình hình thực hiện kết quả giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách

HĐND Thành phố, theo đó giải trình nguyên nhân việc Huyện giao dự phòng ngân sách bằng mức Thành phố giao nhưng chưa đảm bảo mức 2% tổng chi ngân sách cấp Huyện và rút kinh nghiệm trong công tác giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán ngân sách năm 2018.

Như vậy đã có 01 đơn vị (UBND huyện Quốc Oai) chấp hành thực hiện kiến nghị theo quy định, 01 đơn vị (UBND huyện Đan Phượng) có báo cáo giải trình nhưng chưa đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, 14 đơn vị còn lại¹ không báo cáo kết quả thực hiện.

II. Việc chấp hành yêu cầu báo cáo giám sát năm 2018

Tính đến thời điểm tổng hợp báo cáo, Ban Kinh tế - Ngân sách đã nhận được báo cáo của các đơn vị, theo đó có 28/32 đơn vị gửi báo cáo đúng thời hạn quy định và 04/32 đơn vị gửi báo cáo sau thời hạn quy định (ngày 10/4/2018). Có 11/32 đơn vị chưa gửi đầy đủ số lượng đầu mục báo cáo được yêu cầu. Có 10/32 đơn vị có chất lượng nội dung báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

III. Tình hình giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

1. Giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp Thành phố

Thực hiện các nghị quyết của HĐND Thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), dự toán ngân sách địa phương và tổng biên chế hành chính, sự nghiệp của Thành phố năm 2018², UBND Thành phố đã kịp thời ban hành Quyết định số 8586/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 (trước 10/12/2017 theo đúng luật định) về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 của thành phố Hà Nội, theo đó giao 22 chỉ tiêu tổng hợp kế hoạch KT-XH năm 2018, số lượng và mức giao chỉ tiêu bằng với HĐND Thành phố đã giao, làm căn cứ để các đơn vị trực thuộc và chính quyền địa phương các quận, huyện, thị xã triển khai, phân bổ giao chi tiết theo đúng thời gian quy định.

2. Giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp huyện

2.1. Về thời gian

HĐND, UBND cấp huyện và cấp xã đã quyết nghị và quyết định giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của địa phương kịp thời, đúng thời gian quy định.

2.2. Số lượng chỉ tiêu kinh tế - xã hội

a) Các chỉ tiêu do Thành phố giao

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH Thành phố giao và Nghị quyết của HĐND cùng cấp, 29/30 đơn vị đã tổ chức giao đủ 13 chỉ tiêu Thành phố giao cho cấp huyện cho các đơn vị (phòng, ban thuộc cấp huyện và cấp xã) để triển

¹ Cầu Giấy, Long Biên, Tây Hồ, Sơn Tây, Ba Vì, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Phú Xuyên, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai, Thanh Trì.

² Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 04/12/2017 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của thành phố Hà Nội; số 16/NQ-HĐND ngày 04/12/2017 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2018; số 17/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2018.

khai thực hiện, riêng UBND huyện Thạch Thất giao 12/13 chỉ tiêu, không giao chỉ tiêu số xã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới tăng thêm đối với 01 xã (Thạch Hòa) như Thành phố giao.

UBND huyện Thạch Thất đã có công văn số 455/UBND-KT ngày 27/3/2018 và báo cáo số 133/BC-UBND ngày 10/4/2018 giải trình nội dung này, theo đó UBND huyện Thạch Thất đã có công văn số 2213/UBND-KT ngày 22/11/2016 đề nghị Thành phố chấp thuận rút xã Thạch Hòa khỏi danh sách thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới để thực hiện theo quy hoạch Khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc đã được Chính phủ phê duyệt (theo quy hoạch, xã không còn đất nông nghiệp), do đó Huyện không giao kế hoạch 2018.

Ban cán sự Đảng UBND Thành phố đã có báo cáo số 149-BC/BCS ngày 17/4/2017 báo cáo kết quả thực hiện kết luận của đồng chí Bí thư Thành ủy tại thông báo số 513-TB/TU ngày 30/12/2016, theo đó đề nghị xây dựng xã Thạch Hòa phát triển theo hướng đô thị, không theo hướng xây dựng nông thôn mới là phù hợp.

b) Các chỉ tiêu cấp huyện giao thêm

Tùy theo đặc điểm, tính chất đặc thù và yêu cầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành phát triển KT-XH của từng địa phương, có 25 đơn vị giao thêm từ 01 đến 14 chỉ tiêu so với số lượng chỉ tiêu Thành phố giao, trong đó:

- Có 16 đơn vị³ giao thêm từ 01 đến 05 chỉ tiêu.
- Có 07 đơn vị⁴ giao thêm từ 06 đến 08 chỉ tiêu.
- Có 02 đơn vị⁵ giao thêm từ 13 đến 14 chỉ tiêu.

2.3. Chất lượng chỉ tiêu kinh tế - xã hội

- 29/30 các quận, huyện, thị xã đều giao bằng và vượt chỉ tiêu mà Thành phố giao (riêng Thạch Thất không giao chỉ tiêu số xã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới tăng thêm đối với xã Thạch Hòa), thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm của đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch năm 2018: 01 đơn vị (Thanh Xuân) giao bằng với mức kế hoạch Thành phố giao; 28 đơn vị còn lại giao cao hơn so với mức Thành phố giao (từ 01-06 chỉ tiêu)⁶.

Trong đó đáng chú ý:

³ Cầu Giấy, Hoàng Mai, Nam Từ Liêm, Ba Vì, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Sóc Sơn, Thanh Oai, Thanh Trì, Thường Tín, Ứng Hòa.

⁴ Hà Đông, Hoàn Kiếm, Long Biên, Tây Hồ, Chương Mỹ, Phúc Thọ, Quốc Oai.

⁵ Ba Đình, Bắc Từ Liêm.

⁶ Các chỉ tiêu cấp huyện giao cao hơn Thành phố giao là: (1) Tốc độ tăng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu trên địa bàn; (2) Giá trị sản phẩm thu hoạch nông - lâm - thủy sản; (3) Cơ cấu kinh tế; (4) Thu nhập bình quân đầu người; (5) Số lao động được đào tạo nghề; (6) Tỷ lệ đối tượng trong độ tuổi hoàn thành phổ cập giáo dục; (7) Tỷ lệ cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa; (8) Tỷ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày; (9) Tỷ lệ học sinh tiểu học, trung cấp cơ sở học đúng độ tuổi; (10) Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi tiêm vacxin đầy đủ; (11) Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được chăm sóc; (12) Tỷ lệ dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên; (13) Thực hiện chỉ tiêu cai nghiện; (14) Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu; (15) Tỷ lệ công trình xây dựng có giấy phép; (16) Công tác tuyển quân; (17) Tỷ lệ khám phá trọng án, thường án; (18) Tổ chức chính quyền tốt nhiệm vụ hàng năm.

- Chỉ tiêu “Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới tăng thêm”: các huyện giao tăng 01 xã so với Thành phố giao (27/26 xã); có 02 đơn vị giao tăng gồm: Chương Mỹ (3/2 xã), Thường Tín (5/4 xã); có 01 đơn vị giao giảm là Thạch Thất (0/1 xã).

- Chỉ tiêu “Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia tăng thêm”: cấp huyện giao tăng 32 trường so với Thành phố giao (106/74 trường, không bao gồm 06 trường giao Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện); có 15 đơn vị giao tăng gồm: Hà Đông (4/3 trường), Hai Bà Trưng (5/3 trường), Nam Từ Liêm (4/3 trường), Chương Mỹ (5/4 trường), Đan Phượng (3/2 trường), Đông Anh (6/4 trường), Gia Lâm (5/3 trường), Hoài Đức (4/3 trường), Mê Linh (6/3 trường), Mỹ Đức (4/3 trường), Phú Xuyên (8/4 trường), Quốc Oai (8/3 trường), Sóc Sơn (4/2 trường), Thanh Oai (5/3 trường), Thường Tín (7/3 trường).

IV. Tình hình giao dự toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2018

1. Tình hình giao dự toán ngân sách cấp Thành phố

1.1. Tình hình phân bổ, thẩm tra phương án phân bổ ngân sách chi thường xuyên cấp Thành phố

Theo nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 04/12/2017 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2018, tổng dự toán chi thường xuyên do ngân sách Thành phố trực tiếp quản lý là 21.299,944 tỉ đồng. Tính đến hết 31/3/2018, kết quả phân bổ dự toán như sau:

- Sở Tài chính đã tham mưu UBND Thành phố quyết định giao dự toán chi thường xuyên theo lĩnh vực chi cho các đơn vị dự toán cấp 1 số tiền 19.034,083 tỉ đồng đạt 89,4% dự toán.

- Các khoản chi giao dự toán cho đơn vị đầu mối nhưng **chưa phân bổ chi tiết** đến các đơn vị thực hiện với tổng kinh phí **2.265,861 tỉ đồng**, chiếm 10,4% tổng chi thường xuyên (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

Căn cứ dự toán được giao, hầu hết các sở, ngành đã lập phương án phân bổ dự toán gửi Sở Tài chính thẩm tra theo quy định (trước ngày 31/12/2017). Đối với một số đơn vị có các khoản kinh phí chưa phân bổ đã được Sở Tài chính đôn đốc theo đúng chức năng, nhiệm vụ Thành phố giao.

Tính đến hết 31/3/2018, trong tổng số 16.879,054 tỉ đồng dự toán chi thường xuyên phải thẩm tra, Sở Tài chính đã thẩm tra chi tiết 16.354,042 tỉ đồng, đạt tỉ lệ 96,9%. Theo báo cáo của Sở Tài chính, về cơ bản, công tác thẩm tra dự toán đảm bảo tiến độ, chất lượng, làm cơ sở cho các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm theo quy định (*chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*).

1.2. Tình hình phân bổ, thẩm tra phương án phân bổ ngân sách chi đầu tư phát triển cấp Thành phố

Theo nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 04/12/2017 của HĐND Thành phố và quyết định số 8586/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND Thành phố về giao

kế hoạch phát triển KT-XH năm 2018 của Thành phố, dự toán chi đầu tư phát triển của Thành phố năm 2018 là 42.121,022 tỉ đồng, trong đó cấp Thành phố là 28.665,722 tỉ đồng (bao gồm 21.587,114 tỉ đồng đã phân bổ dự toán chi tiết và 7.078,608 tỉ đồng chưa phân bổ dự toán chi tiết).

Tính đến hết 31/3/2018 đã phân bổ chi tiết thêm 01 tỉ đồng từ nguồn vốn dự phòng đầu tư công cho 01 dự án tại các quyết định số: 1260/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND Thành phố⁷. Nếu không tính các khoản chi đầu tư điều hành theo tiến độ và theo cơ chế riêng, còn **350 tỉ đồng chưa phân bổ chi tiết**, chiếm tỷ lệ 1,2% tổng chi đầu tư phát triển, cụ thể:

- 250 tỉ đồng chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp;
- 100 tỉ đồng hỗ trợ địa phương bạn;

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo).

2. Phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện

2.1. Về thời gian

UBND cấp huyện và cấp xã đã quyết định dự giao toán thu, chi ngân sách và hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 của địa phương kịp thời, đúng thời gian quy định. Tuy nhiên HĐND cấp huyện của 07/30 đơn vị⁸ còn chưa đảm bảo thời gian theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước trong việc ban hành nghị quyết về phân bổ, giao dự toán năm 2018 (chậm hơn sau 10 ngày, kể từ ngày HĐND Thành phố ra quyết định dự toán và phân bổ ngân sách).

2.2. Về giao dự toán thu ngân sách

a) Tổng kế hoạch thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn năm 2018 giao là 87.807,808 tỉ đồng, tăng 2,3% (2.008,908 tỉ đồng) so với kế hoạch Thành phố giao (85.798,9 tỉ đồng), trong đó:

- Khối quận và thị xã Sơn Tây giao tổng thu NSNN trên địa bàn là 74.896,02 tỉ đồng, tăng 0,22% (165,02 tỉ đồng) so với kế hoạch Thành phố giao (74.731 tỉ đồng), trong 13 đơn vị có 12 đơn vị giao bằng mức Thành phố giao và 01 đơn vị giao cao hơn mức Thành phố giao: Hoàn Kiếm giao tăng 165,02 tỉ đồng (tăng 2,3%).

- Khối huyện giao tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 12.911,788 tỉ đồng, tăng 16,7% (1.843,888 tỉ đồng) so với kế hoạch Thành phố giao (11.067,9 tỉ đồng); trong đó: 08 huyện⁹ giao bằng Thành phố giao; các huyện còn lại đều giao cao hơn mức Thành phố giao. Dự toán thu của các huyện giao cao tập trung chủ yếu từ nguồn thu tiền sử dụng đất, trong đó một số huyện có mức giao thu tiền sử dụng đất vượt khá cao mức Thành phố giao như Hoài Đức giao tăng 762,7 tỉ đồng (tăng 78,8% mức Thành phố giao), Quốc Oai giao tăng 393 tỉ

⁷ Dự án Lắp đặt hệ thống chiếu sáng xã Đan Phượng thuộc đối tượng khen thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương có thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015.

⁸ Cầu Giấy, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Long Biên, Đống Anh, Hoài Đức, Phúc Thọ.

⁹ Đan Phượng, Ga Lâm, Mê Linh, Phúc Thọ, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Trì, Thường Tín.

đồng (tăng 189,9% mức Thành phố giao), Đan Phượng giao tăng 361,9 tỉ đồng (tăng 113,4% mức Thành phố giao), Thanh Oai giao tăng 121,8 tỉ đồng (tăng 304,5% mức Thành phố giao), Chương Mỹ giao tăng 112,4 tỉ đồng (tăng 216,2% mức Thành phố giao),...

b) Thu cân đối ngân sách quận, huyện, thị xã năm 2018 là 45.766,591 tỉ đồng, tăng 6,6% (2.582,32 tỉ đồng) so với Thành phố giao (42.914,271 tỉ đồng).

- Khối quận và thị xã Sơn Tây: giao tổng thu là 20.322,721 tỉ đồng, tăng 4,4% (860,785 tỉ đồng) so với kế hoạch Thành phố giao (19.461,936 tỉ đồng), trong 13 đơn vị có 09 đơn vị giao bằng mức Thành phố giao và 04 đơn vị¹⁰ giao cao hơn mức Thành phố giao.

- Khối huyện giao tổng thu là 25.443,87 tỉ đồng, tăng 8,5% (1.991,535 tỉ đồng) so với kế hoạch Thành phố giao (23.452,335 tỉ đồng), trong 17 đơn vị có 06 đơn vị giao bằng mức Thành phố giao và 11 đơn vị giao cao hơn mức Thành phố giao, trong đó một số đơn vị¹¹ có mức giao vượt khá cao so với mức Thành phố giao.

(Chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo)

2.3. Về giao dự toán chi ngân sách

Tổng kế hoạch chi ngân sách quận, huyện, thị xã năm 2018 là 45.766,591 tỉ đồng, tăng 6,6% (2.582,32 tỉ đồng) so với Thành phố giao (42.914,271 tỉ đồng), có 14/30 đơn vị giao bằng và 16/30 đơn vị giao cao hơn Thành phố giao, trong đó:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản là 15.927,55 tỉ đồng tăng 18,4% (2.472,25 tỉ đồng) so với thành phố giao (13.455,3 tỉ đồng), có 19/30 đơn vị giao bằng và 11/30 đơn vị giao cao hơn Thành phố giao. Theo báo cáo của các đơn vị, đến 31/12/2017 đã xử lý hết nợ XDCB.

UBND huyện Phúc Thọ giao chỉ tiêu 02 trường công lập đạt chuẩn tăng thêm, tuy nhiên 02 dự án cải tạo, nâng cấp các trường này (trường tiểu học xã Xuân Phú và trường THCS Thượng Cốc) mới chỉ được bố trí kế hoạch vốn lũy kế đến năm 2018 đạt 58% tổng mức đầu tư.

Có 02 đơn vị giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 cho 10 dự án chưa đảm bảo điều kiện bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2018 theo quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công và Điều 27 nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, cụ thể:

- UBND quận Ba Đình bố trí kế hoạch vốn năm 2018 đối với 09 dự án được **dự kiến phê duyệt ngày 31/3/2018** (các dự án xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng số 1 và 2 phường Trúc Bạch, số 4 và 12 phường Ngọc Khánh, số 2 và 8 phường Quán Thánh, số 5 và 9 phường Điện Biên, số 1 phường Ngọc Hà).

¹⁰ Ba Đình giao tăng 454,071 tỉ đồng (tăng 38,8%), Đống Đa giao tăng 193,474 tỉ đồng (tăng 13,6%), Hoàn Kiếm giao tăng 107,152 tỉ đồng (8,2%), Tây Hồ giao tăng 106,088 tỉ đồng (tăng 9,1%).

¹¹ Hoài Đức giao tăng 885,7 tỉ đồng (tăng 52,7%), Quốc Oai giao tăng 393 tỉ đồng (tăng 27,7%), Đông Anh giao tăng 361,9 tỉ đồng (tăng 121,9%), Thạch Thất giao tăng 121,8 tỉ đồng (tăng 11,7%),...

- UBND huyện Sóc Sơn bố trí kế hoạch vốn năm 2018 đối với 01 dự án được phê duyệt ngày 15/12/2017 (dự án xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại thôn 4, 5 xã Hồng Kỳ).

b) Chi thường xuyên là 23.059,549 tỉ đồng, tăng 1,3% (297,777 tỉ đồng) so với Thành phố giao (22.761,772 tỉ đồng), trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục là 10.963,119 tỉ đồng, tăng 206,89 tỉ đồng so với Thành phố giao (10.756,23 tỉ đồng). Có 08/30 đơn vị giao bằng và 19/30 đơn vị giao cao hơn mức Thành phố giao, có 03/30 đơn vị¹² giao thấp hơn mức Thành phố giao chưa đảm bảo quy định của Thành phố tại quyết định số 8586/QĐ-UBND ngày 08/12/2017.

- Chi sự nghiệp môi trường là 1.525,842 tỉ đồng, giảm 62,436 tỉ đồng so với Thành phố giao (1.588,278 tỉ đồng). Có 13/30 đơn vị giao bằng và 10/30 đơn vị giao cao hơn mức Thành phố giao, có 07/30 đơn vị¹³ giao thấp hơn mức Thành phố giao.

c) Dự phòng ngân sách là 1.029,974 tỉ đồng, tăng 46,051 tỉ đồng so với Thành phố giao (983,923 tỉ đồng). Có 22/30 đơn vị giao bằng và 08/30 đơn vị giao cao hơn mức Thành phố giao, có 05 đơn vị¹⁴ giao dự phòng ngân sách dưới 2% tổng chi ngân sách, không đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(Chi tiết tại Phụ lục 6 kèm theo)

2.4. Đánh giá về giao dự toán thu - chi ngân sách cấp huyện

- Việc giao tăng thu thể hiện sự quan tâm phân đầu cao của các đơn vị nhằm khai thác tốt nguồn lực từ đất đai để tăng thu NSNN (Thành phố, quận, huyện) đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển, thúc đẩy phát triển KT-XH địa phương. Một số đơn vị giao tăng thu cao cần quan tâm xây dựng và chỉ đạo thực hiện các giải pháp để đảm bảo tính khả thi: rà soát các quỹ đất (xen kẹt, các quỹ đất đã hoàn thành hạ tầng) tổ chức đấu giá ngay từ 06 tháng đầu năm để đảm bảo nguồn đã cân đối cho các dự án; đối với các khu đất chưa hoàn thành hạ tầng cần sớm triển khai xây dựng hạ tầng để triển khai đấu giá trong năm 2018.

- Các quận, huyện giao tăng chi trên cơ sở tăng thu, tuy nhiên phải xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp cụ thể, đồng bộ và linh hoạt để đảm bảo cân đối thu - chi trên địa bàn, đặc biệt đối với các quận, huyện có chỉ tiêu giao thu, chi ngân sách cao hơn nhiều so với chỉ tiêu Thành phố giao từ nguồn thu đầu giá QSD đất để hoàn thành dự toán chi ngân sách mà không để phát sinh nợ XDCH.

- Hầu hết các đơn vị giao chi cho sự nghiệp giáo dục và sự nghiệp môi trường đảm bảo đúng chỉ đạo của Thành phố, tuy nhiên còn 03/30 đơn vị giao chi sự

¹² Sơn Tây, Mỹ Đức, Thạch Thất.

¹³ Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân, Mê Linh, Thanh Trì.

¹⁴ Ba Đình, Ba Vì, Chương Mỹ, Đông Anh, Thanh Oai.

nghiệp giáo dục - đào tạo và 07/30 đơn vị giao chỉ sự nghiệp môi trường thấp hơn mức Thành phố giao.

- Có 01 đơn vị (Phúc Thọ) giao kế hoạch vốn cho 02 dự án cải tạo, nâng cấp các trường học phục vụ chỉ tiêu số trường công lập đạt chuẩn quốc gia tăng thêm chưa đảm bảo tính khả thi hoàn thành chỉ tiêu trong năm 2018.

- Có 02 đơn vị (Ba Đình và Sóc Sơn) giao kế hoạch vốn cho 10 dự án chưa đảm bảo điều kiện bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2018 theo quy định, trong đó đặc biệt quận Ba Đình bố trí kế hoạch vốn cho 09 dự án chưa được phê duyệt dự án đầu tư (dự kiến phê duyệt ngày 31/3/2018).

- Có 05/30 đơn vị giao dự phòng ngân sách năm 2018 chưa đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trong 05 đơn vị này có 03 đơn vị là Ba Vì, Đông Anh và Thanh Oai đã được nhắc nhở về nội dung giao dự phòng ngân sách năm 2017 tại báo cáo số 23/BC-HĐND ngày 23/5/2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố nhưng chưa tiếp thu khắc phục.

V. Một số hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, qua giám sát, công tác giao kế hoạch KT-XH và phân bổ dự toán, thẩm tra phương án phân bổ dự toán năm 2018 vẫn còn một số hạn chế sau:

1. Một số quận, huyện giao chỉ tiêu thu, chi ngân sách cao hơn nhiều so với chỉ tiêu Thành phố giao, đặc biệt từ nguồn thu đất giá QSD đất tiềm ẩn rủi ro khó có khả năng hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

2. Một số khoản dự toán chi ngân sách cấp Thành phố vẫn chậm chưa phân bổ theo thời hạn HĐND Thành phố yêu cầu, công tác phối hợp thẩm tra phương án phân bổ dự toán còn hạn chế, còn chưa chủ động. Đến 31/3/2018 còn 2.628,919 tỉ đồng (bao gồm 2.278,919 tỉ đồng chi thường xuyên và 350 tỉ đồng chi đầu tư phát triển - không tính các khoản chi đầu tư điều hành theo tiến độ và theo cơ chế riêng) chưa được thẩm tra phân bổ chi tiết, bằng 5,3% tổng chi ngân sách cấp Thành phố - tương đương năm 2017 (năm 2018 mức chi đầu tư phát triển chưa phân bổ chi tiết giảm nhưng mức chi thường xuyên chưa phân bổ lại tăng). Đối với các khoản kinh phí chậm phân bổ, Sở Tài chính và Sở kế hoạch và Đầu tư vẫn chưa kiên quyết tổng hợp, đơn đốc, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý; chậm đề xuất UBND Thành phố chỉ đạo sở chuyên ngành sớm đề xuất ban hành cơ chế để phân bổ dự toán.

3. Một số đơn vị chưa chấp hành quy định của pháp luật trong việc đảm bảo điều kiện thủ tục đầu tư của dự án được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công.

4. Một số đơn vị chưa nghiêm túc chấp hành quy định của pháp luật cũng như kiến nghị của các cơ quan giám sát trong việc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương, đặc biệt có 03 đơn vị (Ba Vì, Đông Anh, Thanh Oai) tiếp tục giao dự

phòng ngân sách năm 2018 chưa đảm bảo theo quy định mặc dù năm 2017 đã được kiến nghị khắc phục.

VI. Kiến nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách

1. Đối với UBND Thành phố

(1) Sớm xem xét quyết định đối với các khoản kinh phí đã xác định nhiệm vụ nhưng chưa được đơn vị lập dự toán do chưa có đầy đủ căn cứ pháp lý (thiếu hướng dẫn triển khai, chưa có kế hoạch cụ thể, chưa có quyết định ban hành cơ chế...) hoặc đã được liên ngành báo cáo trình UBND Thành phố (*chi tiết tại các phụ lục 2 và 4 kèm theo*).

(2) Chỉ đạo liên ngành rà soát, tổng hợp các khoản kinh phí chưa phân bổ cho đơn vị đầu mối, đã phân bổ cho đơn vị dự toán nhưng chưa được các đơn vị lập dự toán chi tiết xin ý kiến thẩm tra, chưa phân bổ do không còn nhiệm vụ chi năm 2018, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo hướng: (1) Thu hồi để bổ sung dự phòng ngân sách theo quy định hoặc (2) điều chỉnh giảm dự toán của đơn vị để điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác có nhiệm vụ phát sinh do cấp có thẩm quyền giao trong năm.

(3) Chỉ đạo Sở Tài chính, Cục Thuế Hà Nội cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong công tác xây dựng chỉ tiêu dự toán thu ngân sách, đảm bảo giao sát với thực tế khả năng thực hiện của các quận, huyện, thị xã (một số đơn vị có mức giao thu ngân sách nhà nước trên địa bàn vượt rất cao mức Thành phố giao như Quốc Oai giao tăng 86,8%, Hoài Đức giao tăng 49,2%,....).

(4) Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tăng cường hướng dẫn, phổ biến các quy định pháp luật về ngân sách và đầu tư công, các hướng dẫn của Trung ương và Thành phố về xây dựng dự toán ngân sách hàng năm để các đơn vị thực hiện đảm bảo đúng quy định.

(5) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rút kinh nghiệm trong việc rà soát, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu số xã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới tăng thêm đối với 01 xã huyện Thạch Thất.

2. Đối với Thường trực HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã

(1) UBND các quận, huyện, thị xã cần quan tâm xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp cụ thể, đồng bộ và linh hoạt, đặc biệt các quận, huyện có chỉ tiêu giao thu, chi ngân sách cao hơn nhiều so với chỉ tiêu Thành phố giao từ nguồn thu tiền sử dụng đất để hoàn thành kế hoạch mà không để phát sinh nợ XDCB.

(2) UBND 05 quận, huyện (Ba Đình, Ba Vì, Chương Mỹ, Đông Anh, Thanh Oai) rà soát, báo cáo HĐND cùng cấp điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp mình đảm bảo mức bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, báo cáo Thường trực HĐND Thành phố và UBND Thành phố kết quả thực hiện trước 30/7/2018.

(3) HĐND và UBND 02 quận, huyện (Ba Đình, Sóc Sơn) rút kinh nghiệm về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 đảm bảo danh mục dự án đáp ứng đủ điều kiện được bố trí kế hoạch vốn năm 2018 theo quy định; đồng thời cần quán triệt các quy định pháp luật về ngân sách và đầu tư công, các hướng dẫn của Trung ương và Thành phố về xây dựng dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện đảm bảo đúng quy định.

(4) UBND huyện Phúc Thọ căn cứ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của địa phương, rà soát bố trí bổ sung kế hoạch vốn năm 2018 cho 02 dự án cải tạo, nâng cấp trường tiểu học xã Xuân Phú và trường THCS Thượng Cốc đảm bảo hoàn thành các dự án trong năm 2018.

(5) UBND 03 huyện (Sơn Tây, Mỹ Đức, Thạch Thất) rà soát, báo cáo HĐND cùng cấp điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp mình đảm bảo dự toán chi sự nghiệp giáo dục không thấp hơn mức Thành phố giao theo quy định tại quyết định số 8586/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND Thành phố, báo cáo Thường trực HĐND Thành phố và UBND Thành phố kết quả thực hiện trước 30/7/2018.

(6) Đối với 07 đơn vị giao dự toán chi sự nghiệp môi trường (Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân, Mê Linh, Thanh Trì) thấp hơn mức Thành phố giao: Đề nghị UBND các đơn vị nêu trên căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, rà soát khối lượng nhiệm vụ phải thực hiện và khả năng cân đối nguồn lực, báo cáo HĐND cùng cấp giao bổ sung (nếu cần thiết).

Ban Kinh tế - Ngân sách kính báo cáo Thường trực HĐND, UBND Thành phố kết quả giám sát (qua văn bản) công tác giao kế hoạch kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2018 và thông báo đến các cơ quan liên quan. Đề nghị UBND Thành phố, Thường trực HĐND và UBND các quận, huyện, thị xã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các kiến nghị và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Ban Kinh tế - Ngân sách trong tháng 9/2018 để tái giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Ban KTNS (để b/c);
- Các ban HĐND Thành phố;
- Văn phòng HĐND, UBND Thành phố;
- Các sở: KH&ĐT, TC;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT, KTNS^{Cường}

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Hồ Văn Nga

Phụ lục 1

TỔNG HỢP BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 2018 THEO QUY ĐỊNH
(Kèm theo báo cáo số 10/BC-HĐND ngày 27/4/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố)

TT	Đơn vị	Gửi đúng hạn	Không gửi đúng hạn	Số lượng đầu mục báo cáo					Chất lượng báo cáo		Ghi chú
				Đủ đầu mục	Không đủ đầu mục	Chi tiết			Đạt yêu cầu	Chưa đạt yêu cầu	
						Gửi bản mềm (doc, docx, xls, xlsx)	Gửi bản cứng phát hành chính thức	Kèm theo QĐ giao KH năm 2018			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng	28	4	21	11	26	32	24	22	10	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1		1		1	1		1		
2	Sở Tài chính	1		1		1	1		1		
3	Ba Đình	1		1		1	1	1		1	Phụ biểu số 3 chưa tuân thủ biểu mẫu
4	Bắc Từ Liêm	1			1		1	1		1	Không có phụ lục kèm theo
5	Cầu Giấy	1		1		1	1	1	1		
6	Đống Đa	1		1		1	1	1		1	Phụ biểu số 3 chưa tuân thủ biểu mẫu
7	Hà Đông	1		1		1	1	1	1		
8	Hai Bà Trưng	1			1	1	1		1		
9	Hoàn Kiếm	1		1		1	1	1	1		
10	Hoàng Mai	1		1		1	1	1	1		
11	Long Biên	1			1	1	1			1	Báo cáo lời và 3 phụ biểu đều chưa tuân thủ nội dung và biểu mẫu yêu cầu
12	Nam Từ Liêm		1	1		1	1	1	1		
13	Tây Hồ	1			1		1	1	1		
14	Thanh Xuân	1		1		1	1	1	1		
15	Sơn Tây	1		1		1	1	1	1		
16	Ba Vì	1			1		1			1	Không có phụ lục kèm theo
17	Chương Mỹ		1		1		1	1		1	Phụ lục 3 chưa đủ số liệu
18	Đan Phượng	1		1		1	1	1	1		
19	Đông Anh		1	1		1	1	1	1		
20	Gia Lâm	1			1	1	1		1		
21	Hoài Đức	1			1		1	1		1	Không có phụ lục kèm theo
22	Mê Linh	1		1		1	1	1	1		
23	Mỹ Đức	1		1		1	1	1	1		
24	Phú Xuyên	1		1		1	1	1	1		
25	Phúc Thọ	1		1		1	1	1	1		
26	Quốc Oai	1		1		1	1	1	1		
27	Sóc Sơn		1	1		1	1	1		1	Phụ lục 3 số liệu chưa đúng
28	Thạch Thất	1			1	1	1		1		
29	Thanh Oai	1			1	1	1			1	Báo cáo lời và 3 phụ biểu đều chưa tuân thủ nội dung và biểu mẫu yêu cầu
30	Thanh Trì	1		1		1	1	1	1		
31	Thường Tín	1		1		1	1	1	1		
32	Ứng Hoà	1			1		1	1		1	Báo cáo lời và phụ biểu chưa đồng nhất số liệu; Phụ lục 3 chưa tuân thủ biểu mẫu



Phụ lục 2

TÌNH HÌNH PHÂN BỐ CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2018

ĐẾN 31/3/2018 CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT

(Kèm theo báo cáo số 18/BC-HĐND ngày 27/4/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Đã phân bổ theo nội dung	Tỉ lệ (%) hoàn thành so với dự toán	Chưa phân bổ theo nội dung chi tiết	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	21.299.944	19.021.025	89,3%	2.278.919	
	Trong đó các khoản đang tiếp tục phân bổ hoặc chưa phân bổ chi tiết:	2.550.657	271.738		2.278.919	
1	Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng cho các sở, ngành	50.000		0,0%	50.000	Thực hiện sau khi Bộ Tài chính ban hành định mức, tiêu chuẩn xe chuyên dùng theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
2	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.	6.500		0,0%	6.500	UBND Thành phố có công văn 1397/UBND-KT ngày 03/4/2018 xin ý kiến Thường trực HĐND Thành phố
3	Kinh phí xử lý các vấn đề dân sinh, bức xúc (môi trường, cải tạo các chợ,)	600.000		0,0%	600.000	Liên sở: Công thương - Tài chính đã trình UBND Thành phố về kế hoạch đầu tư, cải tạo hệ thống chợ trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2018-2020
4	Kinh phí thực hiện Chương trình sửa học đường	350.000		0,0%	350.000	UBND Thành phố có tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 06/4/2018 đề nghị xây dựng Nghị quyết về cơ chế hỗ trợ từ ngân sách thực hiện Đề án chương trình sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn Thành phố
5	Kinh phí đào tạo ngoại ngữ cho học sinh các cấp	200.000		0,0%	200.000	Sở Giáo dục và Đào tạo đang rà soát, xây dựng phương án phân bổ báo cáo UBND Thành phố.
6	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020	200.000	127.833	63,9%	72.167	Sở Nội vụ đang phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát trình UBND Thành phố điều chỉnh nội dung Đề án
7	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Thành phố	200.000	135.363	67,7%	64.637	
8	Kinh phí dạy nghề cho học sinh THPT và học sinh các trường trực thuộc Sở GD&ĐT	24.157	0	0,0%	24.157	Liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính đã trình UBND Thành phố phân bổ kinh phí: 13.058trđ.
9	Chương trình Công nghệ thông tin	920.000	8.542	0,9%	911.458	

TÌNH HÌNH THẨM TRA THUỐC AN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2018 CHO ĐƠN VỊ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐẾN 31/3/2018 CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT

(Kèm theo báo cáo số 18/BC-HĐND ngày 27/4/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán giao năm 2018	Kinh phí đã thẩm tra và phân bổ	Kinh phí chưa thẩm tra phân bổ chi tiết	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG		16.879.054	16.354.042	525.012	
I	Khối sở, ngành	14.030.747	13.520.381	510.366	
1	Văn phòng UBND Thành phố	90.117	89.625	492	Không thực hiện phân bổ do biên chế được giao năm 2018 giảm so với năm 2017
2	Văn phòng HĐND Thành phố	38.063	37.940	123	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	72.830	53.024	19.806	- Kinh phí tự chủ và thực hiện nhiệm vụ thường xuyên không thực hiện phân bổ do biên chế được giao năm 2018 giảm so với năm 2017 (104trđ) - Kinh phí thực hiện 3 chương trình đào tạo sẽ thực hiện phân bổ sau khi UBND Thành phố phê duyệt KH (19.702trđ)
4	Sở Tư pháp	77.730	76.317	1.413	Kinh phí tự chủ và thực hiện nhiệm vụ thường xuyên không thực hiện phân bổ do biên chế được giao năm 2018 giảm so với năm 2017 và Trung tâm Đấu giá tài sản được phân loại là đơn vị phân loại đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên từ năm 2018
5	Sở Công thương	206.811	204.996	1.815	Không thực hiện phân bổ do biên chế được giao năm 2018 giảm so với năm 2017
6	Sở Khoa học và Công nghệ	186.380	186.068	312	
7	Sở Tài chính	81.164	77.383	3.781	- Kinh phí tự chủ không thực hiện phân bổ do biên chế được giao năm 2018 giảm so với năm 2017 (1.173trđ) - Kinh phí một số nhiệm vụ (kinh phí tập huấn bồi dưỡng cán bộ công chức, chính lý số hóa tài liệu (2.608trđ)
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.642.036	1.630.236	11.800	- Kinh phí tự chủ không thực hiện phân bổ do biên chế được giao năm 2018 giảm so với năm 2017 và kinh phí hỗ trợ cho 2 trường mầm non chất lượng cao (11.200trđ) - Kinh phí thực hiện kỳ thi HONC đã phân bổ dự toán 11.500trđ, chưa phân bổ 600 trđ theo thực tế triển khai
9	Sở Y tế	2.028.476	1.993.821	34.655	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ QLNN (1.135trđ) gồm Kinh phí hỗ trợ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin (72 trđ) do chỉ thực hiện khi Nghị quyết được HĐND thông qua; Kinh phí tổ chức tuyển dụng viên chức (1.063 trđ) do Sở Y tế đang xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức gửi Sở Nội vụ để trình UBND Thành phố phê duyệt. - Kinh phí thực hiện các nội dung (14.900trđ): Kế hoạch: "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2025 (3.900 trđ); Kế hoạch: "Phát triển thể lực, tâm vóc người Hà Nội đến năm 2030" (5.000 trđ) do các nội dung này chỉ thực hiện khi UBND Thành phố phê duyệt Kế hoạch; tổ chức hoạt động Bệnh viện Nhi Hà Nội (6.000 trđ) do hiện nay đề án tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực và hoạt động cho bệnh viện Nhi chưa được UBND Thành phố phê duyệt. - Kinh phí chi hoạt động sự nghiệp y tế (10.295 trđ) sẽ được tiếp tục phân bổ cho các hoạt động y tế triển khai trên địa bàn Thành phố. - Các khoản chi nghiệp vụ khác (8.070 trđ). - Kinh phí thực hiện Quy hoạch (255 trđ) do dừng thực hiện theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại CV số 6615/UBND-KH&ĐT ngày 28/12/2017
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	817.108	815.428	1.680	Không thực hiện phân bổ do biên chế được giao năm 2018 giảm so với năm 2017
11	Sở Văn hóa và Thể thao	837.300	836.803	497	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	143.414	143.016	398	
13	Sở Nội vụ	71.034	70.719	315	
14	Thanh tra Thành phố	33.709	33.397	312	
15	Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố Hà Nội	19.517	19.301	216	Không thực hiện phân bổ do biên chế được giao năm 2018 giảm so với năm 2017
16	Sở Du lịch	75.465	75.189	276	
17	Sở Giao thông vận tải	1.893.187	1.891.811	1.376	

TT	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán giao năm 2018	Kinh phí đã thẩm tra và phân bổ	Kinh phí chưa thẩm tra phân bổ chi tiết	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	134.940	134.100	840	- Kinh phí khảo sát quy hoạch không thực hiện phân bổ do dừng thực hiện theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại CV số 6615/UBND-KH&ĐT ngày 28/12/2017
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.032.932	1.605.529	427.403	- Kinh phí tự chủ và kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị không thực hiện phân bổ do biên chế được giao năm 2018 giảm so với năm 2017 (4.771trđ) - Kinh phí thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là 207.340trđ; Chương trình hợp tác với nước ngoài 10.000trđ; đang hoàn chỉnh Kế hoạch trình UBND Thành phố phê duyệt - Dự toán cấp Lệnh chi tiền 14.461 trđ cấp theo tiến độ. - Các nội dung chưa phân bổ còn lại là 32.043 trđ gồm các nội dung chi thực hiện sau khi kế hoạch thực hiện được UBND Thành phố phê duyệt và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trong năm theo chỉ đạo của UBND Thành phố - Kinh phí đặt hàng dịch vụ thủy lợi 156.888trđ; Sở Nông nghiệp & PTNT thực hiện giao dự toán theo giá dịch vụ công ích thủy lợi tại Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố và văn bản số 6234/UBND-KT ngày 6/12/2017 của UBND Thành phố về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi thực hiện giá dịch vụ thủy lợi năm 2017 và các năm tiếp theo là 513.112trđ. Dự toán còn lại Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ giao dự toán khi UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh phương án đặt hàng dịch vụ thủy lợi năm 2017
20	Sở Quy hoạch - Kiến trúc HN	52.387	49.531	2.856	Kinh phí hoạt động thường xuyên và mua sắm tài sản của Ban QHXD do năm 2018 Ban Quy hoạch xây dựng được phân loại là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên
II	Khối hội, đoàn thể	65.983	65.983		
III	Các đơn vị khác	2.782.324	2.767.678	14.646	
1	Công ty Cổ phần sách Hà Nội	100	28	72	Thực hiện cấp theo tiến độ thực hiện
2	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Hà Nội	13.714	0	13.714	
3	Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội	860	0	860	



Phụ lục 4

**CÁC KHOẢN GIẢI ĐÁU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2018
ĐẾN 31/3/2018 CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT**

(Kèm theo báo cáo số 108/BC-HĐND ngày 27/4/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Đã phân bổ chi tiết	Chưa phân bổ chi tiết	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG (A+B)	28.665.722	22.133.804	6.531.918	
A	BỘ TRÍ CHO CÁC QUỸ, CÁC KHOẢN CHI ĐẦU TƯ KHÁC	5.939.264	3.134.954	2.804.310	
1	Bổ sung vốn cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (quỹ phát triển đất)	500.000	500.000		
2	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (quỹ đầu tư phát triển 548 tỷ đồng; quỹ phát triển đất 800 tỷ đồng)	1.348.000	1.348.000		
3	Ghi thu ghi chi vốn đầu tư cho các dự án BT	3.000.000	545.690	2.454.310	
4	Bổ sung vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm (250 tỷ đồng) và cho vay sửa chữa nhà ở cho người nghèo (50 tỷ đồng)	300.000	300.000		
5	Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân	30.000	30.000		
6	Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	250.000		250.000	
7	Chi đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hoàn trả kinh phí GPMB đối với các dự án xã hội hóa	250.000	250.000		
8	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ	161.264	161.264		
9	Hỗ trợ địa phương bạn	100.000		100.000	
B	VỐN BỘ TRÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG	22.726.458	18.998.850	3.727.608	
B1	Bổ trí vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng	2.282.000		2.281.000	
1	Bổ trí thu hồi các khoản ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2017 chưa bố trí nguồn để thu hồi	142.000		142.000	Thường trực HĐND Thành phố đã có văn bản số 168/HĐND-KTNS ngày 29/3/2018 thống nhất phân bổ
2	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành	150.000		150.000	
3	Dự phòng	1.990.000	1.000	1.989.000	- Phân bổ 1.000 triệu đồng tại quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND Thành phố. - Thường trực HĐND Thành phố đã có các văn bản số 193/HĐND-KTNS và 196/HĐND-KTNS ngày 13/4/2018 thống nhất phân bổ 185.210 triệu đồng
B2	Vốn phân bổ thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư XDCB, hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	20.444.458	18.997.850	1.446.608	
	<i>Trong đó:</i>				
1	<i>Vốn XDCB tập trung cấp Thành phố</i>	16.185.358	14.738.750	1.446.608	
	<i>Trong đó:</i>				
1	Bổ trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...)	150.000		150.000	
2	Vốn ODA trung ương cấp phát chưa phân bổ	1.296.608		1.296.608	Thường trực HĐND Thành phố đã có văn bản số 168/HĐND-KTNS ngày 29/3/2018 thống nhất phân bổ 1.225.608 triệu đồng

Phụ lục 5

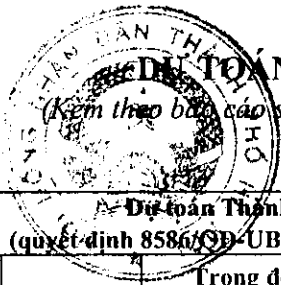
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH 30 QUẬN, HUYỆN THỊ XÃ NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số 8/BC-HĐND ngày 27/4/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán Thành phố giao			Dự toán quận, huyện, thị xã giao			Chênh lệch so với mức Thành phố giao					
		Thu NSNN trên địa bàn		Thu ngân sách cấp huyện	Thu NSNN trên địa bàn		Thu ngân sách cấp huyện	Thu NSNN trên địa bàn				Thu ngân sách cấp huyện	
		Tổng số	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất		Tổng số	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất		Giá trị chênh lệch	Tỉ lệ (%) thu NSNN trên địa bàn	Trong đó chênh lệch thu từ tiền SD đất	Tỉ lệ (%) thu tiền SD đất	Giá trị chênh lệch	Tỉ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng	85.798.900	22.500.000	42.914.271	87.807.808	24.331.600	45.766.591	2.008.908	102,3%	1.831.600	108,1%	2.852.320	106,6%
I	Khởi quận, thị xã	74.731.000	17.974.000	19.461.936	74.896.020	17.974.000	20.322.721	165.020	100,2%		100,0%	860.785	104,4%
1	Ba Đình	5.993.400	398.000	1.171.455	5.993.400	398.000	1.625.526		100,0%		100,0%	454.071	138,8%
2	Bắc Từ Liêm	3.074.000	1.373.000	1.215.293	3.074.000	1.373.000	1.215.293		100,0%		100,0%		100,0%
3	Cầu Giấy	8.362.300	2.700.000	1.697.238	8.362.300	2.700.000	1.697.238		100,0%		100,0%		100,0%
4	Đống Đa	8.379.900	195.000	1.421.131	8.379.900	195.000	1.614.605		100,0%		100,0%	193.474	113,6%
5	Hà Đông	4.050.600	1.348.000	1.718.486	4.050.600	1.348.000	1.718.486		100,0%		100,0%		100,0%
6	Hai Bà Trưng	7.452.800	474.000	1.348.857	7.452.800	474.000	1.348.857		100,0%		100,0%		100,0%
7	Hoàn Kiếm	7.023.400	65.000	1.301.185	7.188.420	65.000	1.408.337	165.020	102,3%		100,0%	107.152	108,2%
8	Hoàng Mai	7.094.200	4.003.000	2.398.861	7.094.200	4.003.000	2.398.861		100,0%		100,0%		100,0%
9	Long Biên	6.535.400	1.979.000	1.955.070	6.535.400	1.979.000	1.955.070		100,0%		100,0%		100,0%
10	Nam Từ Liêm	8.254.700	3.228.000	1.777.569	8.254.700	3.228.000	1.777.569		100,0%		100,0%		100,0%
11	Tây Hồ	2.340.700	335.000	1.160.171	2.340.700	335.000	1.266.259		100,0%		100,0%	106.088	109,1%
12	Thanh Xuân	5.585.100	1.530.000	1.275.880	5.585.100	1.530.000	1.275.880		100,0%		100,0%		100,0%
13	Sơn Tây	584.500	346.000	1.020.740	584.500	346.000	1.020.740		100,0%		100,0%		100,0%

TT	Tên đơn vị	Dự toán Thành phố giao			Dự toán quận, huyện, thị xã giao			Chênh lệch so với mức Thành phố giao					
		Thu NSNN trên địa bàn		Thu ngân sách cấp huyện	Thu NSNN trên địa bàn		Thu ngân sách cấp huyện	Thu NSNN trên địa bàn				Thu ngân sách cấp huyện	
		Tổng số	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất		Tổng số	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất		Giá trị chênh lệch	Tỉ lệ (%) thu NSNN trên địa bàn	Trong đó chênh lệch thu từ tiền SD đất	Tỉ lệ (%) thu tiền SD đất	Giá trị chênh lệch	Tỉ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
II	Khởi huyện	11.067.900	4.526.000	23.452.335	12.911.788	6.357.600	25.443.870	1.843.888	116,7%	1.831.600	140,5%	1.991.535	108,5%
1	Ba Vì	196.800	16.000	1.498.379	226.800	46.000	1.528.379	30.000	115,2%	30.000	287,5%	30.000	102,0%
2	Chương Mỹ	361.800	52.000	1.478.106	474.200	164.400	1.590.506	112.400	131,1%	112.400	316,2%	112.400	107,6%
3	Dan Phượng	524.100	288.000	1.090.063	524.100	288.000	1.090.063		100,0%		100,0%		100,0%
4	Đông Anh	1.242.500	319.000	1.654.121	1.604.400	680.900	2.016.021	361.900	129,1%	361.900	213,4%	361.900	121,9%
5	Gia Lâm	1.618.600	960.000	2.063.396	1.618.600	960.000	2.078.396		100,0%		100,0%	15.000	100,7%
6	Hoài Đức	1.552.400	967.300	1.679.325	2.316.000	1.730.000	2.565.025	763.600	149,2%	762.700	178,8%	885.700	152,7%
7	Mê Linh	499.700	84.500	1.038.751	499.700	84.500	1.038.751		100,0%		100,0%		100,0%
8	Mỹ Đức	233.200	12.000	1.358.746	276.341	50.000	1.401.887	43.141	118,5%	38.000	416,7%	43.141	103,2%
9	Phú Xuyên	205.600	67.000	1.173.442	206.142	67.000	1.173.984	542	100,3%		100,0%	542	100,0%
10	Phúc Thọ	242.600	90.000	994.120	242.600	90.000	994.120		100,0%		100,0%		100,0%
11	Quốc Oai	452.700	207.000	1.418.782	845.700	600.000	1.811.782	393.000	186,8%	393.000	289,9%	393.000	127,7%
12	Sóc Sơn	813.900	244.000	1.705.422	813.900	244.000	1.705.422		100,0%		100,0%		100,0%
13	Thạch Thất	407.400	170.000	1.258.954	407.400	170.000	1.258.954		100,0%		100,0%		100,0%
14	Thanh Oai	328.200	40.000	1.041.726	450.000	161.800	1.163.526	121.800	137,1%	121.800	404,5%	121.800	111,7%
15	Thanh Trì	1.747.700	766.000	1.599.236	1.747.700	766.000	1.612.736		100,0%		100,0%	13.500	100,8%
16	Thường Tín	478.400	195.000	1.248.198	478.400	195.000	1.248.198		100,0%		100,0%		100,0%
17	Ứng Hoà	162.300	48.200	1.151.568	179.805	60.000	1.166.120	17.505	110,8%	11.800	124,5%	14.552	101,3%

Phụ lục 6



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 30 QUẬN, HUYỆN THỊ XÃ NĂM 2018
(kèm theo báo cáo số 18/BC-HĐND ngày 27/4/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán Thành phố giao (quyết định 8586/QĐ-UBND ngày 08/12/2017)						Dự toán quận, huyện, thị xã giao						Ghi Chú
		Tổng số	Trong đó Chi đầu tư phát triển	Trong đó Chi thường xuyên		Trong đó Dự phòng ngân sách	Tổng số	Trong đó Chi đầu tư phát triển	Trong đó Chi thường xuyên		Trong đó Dự phòng ngân sách			
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
					Chi Sự nghiệp GD- ĐT					Chi SN Môi trường		Chi Sự nghiệp GD- ĐT	Chi SN Môi trường	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG	42.914.271	13.455.300	22.761.772	10.756.230	1.588.278	983.923	45.766.590	15.927.550	23.059.549	10.963.119	1.525.842	1.029.974	
I	Khối quận, thị xã	19.461.936	7.779.800	9.097.569	3.960.942	1.072.576	476.461	20.322.721	8.324.733	9.365.313	4.108.291	1.002.081	490.170	
1	Bà Đình	1.171.455	312.400	686.961	334.741	66.428	28.726	1.625.526	766.471	688.962	335.596	46.744	28.726	Dự phòng 1,77%; SN môi trường giảm 19.684 tr.đ
2	Bắc Từ Liêm	1.215.293	539.400	574.204	274.506	53.156	30.028	1.215.293	539.400	574.204	275.160	44.571	30.028	SN môi trường giảm 8.585 tr.đ
3	Cầu Giấy	1.697.238	823.200	694.549	321.036	113.511	41.968	1.697.238	823.200	691.517	321.036	113.511	45.000	
4	Đống Đa	1.421.131	259.700	960.809	383.370	73.355	34.716	1.614.605	320.562	1.093.421	383.370	73.744	34.716	
5	Hà Đông	1.718.486	595.400	903.806	452.291	133.144	42.349	1.718.486	595.400	903.768	467.937	133.144	42.349	
6	Hai Bà Trưng	1.348.857	354.800	798.189	292.778	77.388	33.160	1.348.857	354.800	798.189	343.653	77.388	33.160	
7	Hoàn Kiếm	1.301.185	287.100	760.797	250.940	64.961	32.084	1.408.337	317.100	793.834	255.900	64.961	39.837	
8	Hoàng Mai	2.398.861	1.315.300	812.859	394.580	115.872	59.355	2.398.861	1.315.300	812.859	411.636	120.881	59.355	
9	Long Biên	1.955.070	814.400	854.458	384.010	97.669	48.333	1.955.070	814.400	854.458	384.709	97.669	48.333	
10	Nam Từ Liêm	1.777.569	1.121.400	514.654	199.917	85.828	44.133	1.777.569	1.121.400	514.654	224.089	74.020	44.133	SN môi trường giảm 11.808 tr.đ
11	Tây Hồ	1.160.171	446.800	453.350	179.936	76.786	28.576	1.266.259	446.800	556.850	214.848	59.749	31.164	SN môi trường giảm 17.037 tr.đ
12	Thanh Xuân	1.275.880	598.300	561.669	261.605	69.586	31.367	1.275.880	598.300	561.669	261.605	50.408	31.367	SN môi trường giảm 19.178 tr.đ
13	Sơn Tây	1.020.740	311.600	521.264	231.232	44.892	21.666	1.020.740	311.600	520.928	228.752	45.292	22.002	SN GD-ĐT giảm 2.480 tr.đ

TT	Tên đơn vị	Dự toán Thành phố giao (quyết định 8586/QĐ-UBND ngày 08/12/2017)						Dự toán quận, huyện, thị xã giao						Ghi Chú
		Tổng số	Trong đó Chi đầu tư phát triển	Trong đó Chi thường xuyên			Trong đó Dự phòng ngân sách	Tổng số	Trong đó Chi đầu tư phát triển	Trong đó Chi thường xuyên			Trong đó Dự phòng ngân sách	
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
					Chi Sự nghiệp GD- ĐT	Chi SN Môi trường					Chi Sự nghiệp GD- ĐT	Chi SN Môi trường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
II	Khối huyện	23.452.335	5.675.500	13.664.203	6.795.288	515.702	507.462	25.443.869	7.602.817	13.694.236	6.854.827	523.760	539.804	
1	Ba Vì	1.498.379	144.600	1.022.746	489.993	32.462	30.248	1.528.379	174.600	1.022.746	511.071	32.462	30.248	Dự phòng 1,98%
2	Chương Mỹ	1.478.106	162.600	976.850	471.085	29.427	29.594	1.590.506	275.000	976.850	471.085	29.427	29.594	Dự phòng 1,86%
3	Đan Phượng	1.090.063	371.600	585.012	291.713	22.477	25.080	1.090.063	371.600	586.277	291.713	22.477	25.080	
4	Đông Anh	1.654.121	416.100	1.041.926	557.994	36.673	38.754	2.016.021	778.000	1.041.926	557.994	51.200	38.754	Dự phòng 1,92%
5	Gia Lâm	2.063.396	1.065.200	750.560	358.478	46.318	47.700	2.078.396	1.065.200	765.560	377.959	46.318	47.700	
6	Hoài Đức	1.679.325	619.600	811.610	460.624	20.218	38.617	2.565.025	1.478.017	816.179	462.612	22.042	58.224	
7	Mê Linh	1.038.751	176.500	669.807	322.815	35.740	22.084	1.038.751	176.500	669.807	322.815	25.291	22.084	SN môi trường giảm 10.449 tr.đ
8	Mỹ Đức	1.358.746	199.000	921.857	506.167	23.225	28.917	1.401.887	237.000	924.438	488.368	23.225	31.477	SN GD-ĐT giảm 17.799 tr.đ
9	Phủ Xuyên	1.173.442	173.000	762.497	355.627	26.321	24.213	1.173.984	173.000	763.039	356.733	27.919	24.213	
10	Phúc Thọ	994.120	178.900	614.771	273.243	23.318	20.641	994.120	178.900	614.771	280.454	24.544	20.641	
11	Quốc Oai	1.418.782	308.200	794.998	420.773	28.373	28.838	1.811.782	701.200	785.173	421.983	28.631	38.663	
12	Sóc Sơn	1.705.422	316.500	1.034.435	538.389	37.757	35.811	1.705.422	316.500	1.034.435	539.529	38.235	35.811	
13	Thạch Thất	1.258.954	265.000	729.892	354.093	30.069	25.956	1.258.954	265.000	729.892	354.058	30.069	25.956	SN GD-ĐT giảm 35 tr.đ
14	Thanh Oai	1.041.726	141.000	697.979	324.767	28.291	21.895	1.163.526	262.800	697.979	324.767	28.291	21.895	Dự phòng 1,88%
15	Thanh Trì	1.599.236	704.400	689.568	350.957	42.761	37.591	1.612.736	704.400	702.718	365.196	39.405	37.941	SN môi trường giảm 3.356 tr.đ
16	Thường Tín	1.248.198	284.900	772.253	348.559	20.993	27.365	1.248.198	284.900	772.253	358.329	22.946	27.365	
17	Ứng Hoà	1.151.568	148.400	787.442	370.011	31.279	24.158	1.166.120	160.200	790.194	370.161	31.279	24.158	